

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2025 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang năm 2025					Vốn phân bổ năm 2025					Giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 10/11/2025					Tỷ lệ giải ngân (%)		
	Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN				
		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP			
		1	2	3	4		5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15
TỔNG CỘNG	382.262	102.427	32.803	233.444	13.589	1.186.518	592.324	177.816	364.520	51.858	543.975	349.492	110.421	79.588	4.475	34,7	50,8	12,7
1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	11.741	6.395	2.939	2.256	151	84.197	6.664	57.376	20.157	0	43.417	9.841	33.041	531	4	45,3	58,4	2,4
2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	51.921	28.067	23.551	299	4	171.672	104.029	67.456	187	0	121.362	77.003	44.359	0	0	54,3	54,4	0,0
3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	46.668	0	0	44.401	2.266	209.814	0	0	197.474	12.340	45.180	0	0	44.831	348	17,6		17,6
a) Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	10.422	0	0	10.421	1	73.799	0	0	68.370	5.429	18.468	0	0	18.321	147	21,9		21,9
b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	36.245	0	0	33.980	2.265	136.015	0	0	129.104	6.911	26.712	0	0	26.510	202	15,5		15,5
- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	32.516	0	0	30.873	1.643	132.954	0	0	126.238	6.716	25.987	0	0	25.812	175	15,7		15,7
- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN	3.729	0	0	3.107	623	3.061	0	0	2.866	195	725	0	0	857	27	10,7		13,0
4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	36.856	10.953	3.357	21.868	678	510.659	354.116	14.252	117.904	24.387	204.208	177.888	4.361	18.463	3.497	37,3	47,6	13,3
a) Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	36.856	10.953	3.357	21.868	678	510.659	354.116	14.252	117.904	24.387	204.208	177.888	4.361	18.463	3.497	37,3	47,6	13,3

Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang năm 2025					Vốn phân bổ năm 2025					Giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 10/11/2025					Tỷ lệ giải ngân (%)		
	Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN
		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
- Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng DTTS&MN	36.856	10.953	3.357	21.868	678	510.659	354.116	14.252	117.904	24.387	204.208	177.888	4.361	18.463	3.497	37,3	47,6	13,3
- Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	121.764	44.235	94	71.902	5.533	141.690	85.228	29.411	16.272	10.779	101.379	69.322	24.951	7.086	20	38,5	59,3	6,8
a) Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, cùng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	64.637	44.235	94	15.095	5.214	135.880	85.228	29.411	10.554	10.687	95.241	69.322	24.951	968	0	47,5	59,3	2,3
b) Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	18.497	0	0	18.489	9	285	0	0	285	0	5.384	0	0	5.384	0	28,7		28,7
Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	4.651	0	0	4.643	9	285	0	0	285	0	736	0	0	772	0	14,9		15,6
- Nội dung 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học	13.846	0	0	13.846	0	0	0	0	0	0	4.648	0	0	4.648	0	33,6		33,6
c) Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	32.346	0	0	32.035	311	4.257	0	0	4.164	92	417	0	0	397	20	1,1		1,1
d) Tiêu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	6.284	0	0	6.284	0	1.268	0	0	1.268	0	337	0	0	337	0	4,5		4,5
6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	13.101	8.831	2.862	847	561	41.518	24.814	8.753	4.988	2.963	11.824	7.746	3.710	369	0	21,6	25,3	3,9
7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	12.781	3.912	0	8.630	239	6.552	4.279	0	1.980	293	14.365	6.999	0	7.039	327	74,3	85,4	66,1
8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	16.332	0	0	14.551	1.781	1.412	0	0	1.264	148	903	0	0	825	78	5,1		5,1
9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	56.571	0	0	56.291	280	1.154	0	0	819	335	71	0	0	71	0	0,1		0,1

Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang năm 2025					Vốn phân bổ năm 2025					Giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 10/11/2025					Tỷ lệ giải ngân (%)		
	Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN
		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
a) Tiêu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	54.742	0	0	54.742	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0		0,0	
b) Tiêu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	1.828	0	0	1.548	280	1.154	0	0	819	335	71	0	0	398	0	2,4	13,3	
10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	8.547	35	0	7.939	573	17.850	13.194	568	3.475	613	1.266	693	0	372	201	4,8	5,0	4,5
a) Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG	4.900	0	0	4.369	531	3.017	0	0	2.467	550	222	0	0	202	21	2,8		2,8
- Nội dung số 01, 02: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín và Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS	4.900	0	0	4.369	531	3.017	0	0	2.467	550	222	0	0	201	180	2,8		4,8
- Nội dung số 03: Tăng cường trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
b) Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	727	35	0	686	6	13.762	13.194	568	0	0	693	693	0	0	0	4,8	5,0	0,0
c) Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện CT	2.920	0	0	2.884	36	1.071	0	0	1.009	63	351	0	0	171	180	8,8		8,8
11. Số kinh phí các phòng ban thuộc UBND huyện trước khi giải thể thực hiện (chưa phân bổ)	5.981			4.460	1.521													